

Số: /BC-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## **BÁO CÁO**

### **Rà soát kết quả thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập**

Thực hiện Nghị quyết số 1157/NQ-UBTVQH15 ngày 28/8/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề số 930/BC-ĐGS ngày 26/8/2024 của Đoàn Giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023, ngày 14/10/2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Công văn số 6503/BGDĐT-NGCBQLGD gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là các tỉnh) về việc báo cáo việc trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo.

Tính đến thời điểm ngày 10/12/2024, Bộ GDĐT đã nhận được báo cáo của 60/63 tỉnh về trả lương dạy thêm giờ đối với giáo viên mầm non, phổ thông, trường chính trị tỉnh, trường trung cấp, trường cao đẳng, trường đại học trực thuộc. Qua tổng hợp số liệu từ các tỉnh, Bộ GDĐT xin trân trọng báo cáo rà soát kết quả thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ cho nhà giáo thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 07) như sau:

#### **1. Kết quả trả lương dạy thêm giờ cho nhà giáo năm học 2023 – 2024**

Qua báo cáo của các tỉnh, Bộ GDĐT nhận thấy đa số các tỉnh đã thực hiện việc chi trả chế độ làm thêm giờ cho nhà giáo, tuy nhiên vẫn còn 14 tỉnh<sup>1</sup> có giáo viên chưa được thanh toán tiền lương làm thêm giờ, trong đó đa phần là giáo viên mầm non. Đồng thời, theo thông tin các tỉnh cung cấp nguồn kinh phí chi trả tiền lương dạy thêm giờ đa phần lấy từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu của các cơ sở giáo dục, chỉ có 10 tỉnh<sup>2</sup> chi trả 100% chế độ làm thêm giờ từ ngân sách nhà nước. Mức tiền lương dạy thêm giờ đa số đều thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07, chỉ có 05 tỉnh<sup>3</sup> chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở

<sup>1</sup> Hà Nội, Bến Tre, Bình Dương, Bình Thuận, Đắk Lắk, Điện Biên, Hà Nam, Khánh Hòa, Nam Định, Nghệ An, Phú Thọ, Sơn La, Trà Vinh, Yên Bái

<sup>2</sup> Đà Nẵng, Bắc Kạn, Cao Bằng, Đắk Nông, Điện Biên, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang

<sup>3</sup> Hà Nam, Nam Định, Nghệ An, Thanh Hóa, Yên Bái

giáo dục (thỏa thuận giữa nhà trường và giáo viên về mức chi trả thừa giờ cho 01 giờ/tiết dạy).

Tổng hợp kết quả trả lương dạy thêm giờ cho nhà giáo năm học 2023 – 2024 cụ thể như sau:

- Tổng số nhà giáo dạy thừa giờ là 511.696 người, trong đó có 501.571 giáo viên mầm non, phổ thông còn lại 10.125 người là giáo viên, giảng viên các trường chính trị tỉnh, trường trung cấp, trường cao đẳng, trường đại học trực thuộc tỉnh.

- Tổng số giáo viên dạy thừa giờ được thanh toán là 248.110 người (chiếm tỷ lệ khoảng 48,5%), trong đó có 237.985 giáo viên mầm non, phổ thông (chiếm 47,4% trong tổng số giáo viên mầm non, phổ thông dạy thừa giờ).

- Tổng số giáo viên mầm non, phổ thông dạy thừa giờ không được thanh toán là 263.586 người (chiếm tỷ lệ khoảng 52,6 %) chủ yếu là giáo viên mầm non với số lượng hơn 224.000 người.

- Tổng số tiền chi trả cho nhà giáo dạy thừa giờ vào khoảng 4.800 tỷ, trong đó ngân sách nhà nước chi khoảng 3.500 tỷ, các cơ sở giáo dục tự chi từ nguồn thu sự nghiệp khoảng 1.300 tỷ. Trong đó, có 41 tỉnh có nguồn kinh phí chi trả cho giáo viên dạy thêm giờ vừa lấy từ nguồn ngân sách nhà nước vừa lấy từ kinh phí hoạt động của nhà trường, chỉ có 9 tỉnh là nguồn kinh phí chi trả cho giáo viên dạy thêm giờ lấy từ nguồn ngân sách nhà nước.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 gửi kèm báo cáo)*

## **2. Đánh giá việc thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC**

### **2.1. Thuận lợi**

Thông tư liên tịch số 07 quy định cụ thể các nội dung liên quan đến việc chi trả lương dạy thêm giờ, giúp đảm bảo quyền lợi chính đáng cho nhà giáo trong các cơ sở giáo dục khi làm việc vượt định mức tiết dạy theo quy định.

Chế độ trả lương dạy thêm giờ là yếu tố khích lệ, giúp nhà giáo có thêm thu nhập tạo nguồn động viên tích cực trong công tác. Đây cũng là giải pháp huy động nguồn giáo viên tại chỗ để thực hiện chương trình giáo dục, khắc phục được tình trạng thiếu giáo viên tại một số cơ sở giáo dục. Việc quy định chi trả lương dạy thêm giờ tạo ra cơ chế công bằng, bù đắp khi người lao động làm việc vượt thời gian quy định.

### **2.2. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân**

#### **a) Mâu thuẫn với một số văn bản có tính pháp lý cao hơn**

Khoản 2 Điều 12 Luật Viên chức, quy định quyền của viên chức như sau: **“Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và chế độ khác theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.”**

Khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động quy định: “*Người lao động làm thêm giờ được trả lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương...*”.

Trong khi đó, tại khoản 6 Điều 3 Thông tư liên tịch số 07 nhà giáo chỉ được thanh toán khi “...*đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị hoặc bộ môn không thiếu nhà giáo thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có nhà giáo nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đi học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra và tham gia những công việc khác (sau đây gọi chung là đi làm nhiệm vụ khác) do cấp có thẩm quyền phân công, điều động phải bố trí nhà giáo khác dạy thay*”.

Nguyên tắc trả lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07 làm nảy sinh tình huống: không phải tất cả nhà giáo dạy thêm giờ đều được thanh toán tiền thừa giờ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của viên chức và người lao động theo quy định của Luật Viên chức và Bộ luật Lao động như đã nêu ở trên.

*b) Vương mắc khi triển khai thực hiện trong thực tiễn*

Qua báo cáo từ các địa phương, đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, các trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, có một số vướng mắc như sau:

*b1) Không thể chi trả tiền lương làm thêm giờ do vướng điều kiện được hưởng*

Như đã trình bày ở trên, nhà giáo chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ trong trường hợp đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị hoặc bộ môn không thiếu nhà giáo thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có nhà giáo nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đi học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra và tham gia những công việc khác do cấp có thẩm quyền phân công, điều động phải bố trí nhà giáo khác dạy thay.

Tuy nhiên, thực tế số lượng nhà giáo được cấp có thẩm quyền phê duyệt hầu như đều thấp hơn số lượng nhà giáo theo định mức quy định của Bộ GDĐT vì một số lý do sau đây:

- Theo quy định tại các Thông tư về vị trí việc làm<sup>4</sup> định mức giáo viên/lớp được quy định “*tối đa*” và do phải thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, nên

<sup>4</sup> Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (thay thế Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập)

Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (thay thế Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập).

hầu hết địa phương giao biên chế giáo viên cho cơ sở giáo dục thấp hơn định mức giáo viên/lớp “tối đa” theo quy định của Bộ GDĐT.

- Theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, Chính phủ cho phép ký hợp đồng lao động với các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành. Tuy nhiên, chỉ được ký với số lượng chiếm 70% số chênh lệch giữa số biên chế được giao và định mức theo quy định của Bộ GDĐT. Thực tế, có tỉnh thực hiện việc ký hợp đồng để bổ sung 70% số lượng thiếu theo số chênh lệch, có tỉnh không thực hiện. Nhưng với quy định giới hạn số lượng 70% số chênh lệch, dù có thực hiện ký hợp đồng lao động thì số lượng giáo viên vẫn thiếu so với định mức theo quy định của Bộ GDĐT.

Đồng thời, với đặc thù giảng dạy theo môn học, nên có tình trạng thừa – thiếu cục bộ theo môn học trong cùng một cơ sở giáo dục. Dù số giáo viên/lớp đủ theo định mức, nhưng khi tính theo môn học thì xảy ra tình trạng có môn giáo viên phải dạy thừa giờ, có môn giáo viên dạy chưa đủ định mức quy định. Ví dụ: trong cùng trường trung học cơ sở, môn Ngữ văn lớp 6 có 4 tiết/tuần, với 6 lớp 6, tổng số tiết Ngữ văn là 24 tiết, như vậy nếu bố trí 02 biên chế giáo viên dạy Ngữ văn thì mỗi giáo viên dạy 12 tiết, thiếu 7 tiết theo định mức; nếu bố trí 01 biên chế giáo viên thì giáo viên này dạy dư 5 tiết so với định mức.

Đặc biệt, đối với cấp trung học phổ thông khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018, học sinh được chọn 4 môn học trong số 9 môn học lựa chọn, do vậy một số môn học thuộc khối xã hội có số học sinh lựa chọn nhiều hơn so với các môn học thuộc khối tự nhiên, dẫn đến tình trạng mất cân đối trong cơ cấu môn học và cơ cấu giáo viên giữa các bộ môn trong cùng một cơ sở giáo dục. Do đó, có tình trạng giáo viên dạy ở một số môn học dạy vượt định mức theo quy định và cũng có môn học giáo viên dạy không đủ so với định mức theo quy định.

Theo số liệu báo cáo, có khoảng 41 tỉnh trong năm học 2023-2024 có tình trạng trong cùng 01 cơ sở giáo dục vừa có giáo viên dạy vượt định mức tiết dạy, vừa có giáo viên dạy thiếu so với định mức tiết dạy.

Theo quy định, giáo viên mầm non làm việc theo chế độ 6 giờ/ngày, tuy nhiên thực tế với đặc thù nghề nghiệp và yêu cầu của cha mẹ trẻ, giáo viên mầm non thường phải đón trẻ từ sớm và trả trẻ muộn (cá biệt có trường hợp giáo viên làm việc trực tiếp ở trường từ 6h30 đến 18h00, tức là thời gian làm việc thực tế có thể lên đến 9 - 10 giờ). Nhưng do số lượng giáo viên mầm non của cơ sở giáo dục được tuyển dụng đã đủ so với biên chế được giao, nên những giáo viên này không đủ điều kiện để được hưởng tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07.

Những phân tích ở trên cho thấy, dù cơ sở giáo dục bố trí đủ giáo viên theo biên chế được giao nhưng thực tế vẫn có tình trạng thiếu giáo viên cục bộ, giáo viên phải làm thêm giờ nhưng không được chi trả tiền lương làm thêm giờ.

*b2) Việc tính tổng số tiết dạy/năm học chưa thống nhất*

Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổng số tiết dạy của các môn học, hoạt động giáo dục được tính theo 35 tuần thực học. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT thì số tuần dành cho việc giảng dạy và giáo dục đối với cấp THCS, THPT là 37 tuần. Điều này xảy ra tình trạng địa phương không xác định được tính thừa giờ cho giáo viên theo 35 tuần hay 37 tuần. Qua báo cáo của các tỉnh, hiện nay có 16 tỉnh đang tính tổng số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 35 tuần, có 09 tỉnh tính tổng số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 37 tuần, trong khi đó có tới 25 tỉnh có tình trạng có trường xác định số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 35 tuần, có trường xác định số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 37 tuần. Do đó, nếu tính số tuần dành cho giảng dạy/năm học là 37 tuần thì có tình trạng một giáo viên dạy vượt định mức tiết dạy trong suốt 35 tuần giảng dạy, nhưng khi chia tổng số tiết thực dạy cho 37 tuần thì không thừa giờ và không được chi trả tiền lương làm thêm giờ gây thiệt thòi cho giáo viên.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 07, trường hợp **“nhà giáo công tác ở các cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học, trình độ nghề được áp dụng định mức giờ dạy/năm quy định cho cấp học, trình độ nghề cao nhất mà nhà giáo đó trực tiếp tham gia giảng dạy...”**. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Viên chức **“vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng”**, do đó việc quy định định mức giờ dạy/năm đối với nhà giáo dạy ở trường phổ thông có nhiều cấp học tính theo cấp học cao nhất là không phù hợp với chủ trương của Nhà nước về việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trả lương theo vị trí việc làm.

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07, đối với trường hợp nhà giáo không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng được tính hoàn thành đủ số giờ giảng dạy và được tính vào giờ dạy quy đổi, bao gồm: thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định, tuy nhiên đối với trường hợp nhà giáo nghỉ hưu vào đúng thời điểm trong năm học (số tuần thực dạy ít hơn số tuần dành cho giảng dạy, giáo dục theo quy định) thì việc xác định số tuần để tính toán tổng số tiết dạy/năm học chưa rõ ràng. Do đó, các cơ sở giáo dục khi giải quyết chế độ thừa giờ cho nhà giáo nghỉ hưu trong trường hợp này đang gặp lúng túng.

*b3) Không có căn cứ quy đổi giữa tiết dạy của giáo viên với giờ làm việc hành chính*

Khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch số 07 quy định nguyên tắc chi trả tiền lương làm thêm giờ như sau: **“Số giờ dạy thêm được tính trả tiền lương dạy thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch này không quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật”**.

Bộ luật Lao động quy định số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định

thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng; không quá 200 giờ trong 01 năm (điểm b, điểm c khoản 2 Điều 107).

Do đó, khi triển khai việc tính tổng số tiết dạy thêm giờ/năm học để thực hiện chi trả chế độ làm thêm giờ cho nhà giáo gặp nhiều khó khăn. Chế độ làm việc của giáo viên mầm non được tính theo định mức giờ dạy/tuần, trong khi đó, các cấp học, trình độ khác thì chế độ làm việc của nhà giáo tính theo tiết dạy/tuần và thời lượng của tiết dạy đối với từng cấp học, trình độ đào tạo có sự khác nhau: Tiểu học mỗi tiết có thời lượng 35 phút; THCS, THPT, GDTX, dự bị đại học, giáo dục nghề mỗi tiết có thời lượng 45 phút; đại học, cao đẳng mỗi tiết dạy có thời lượng 50 phút. Nhưng Thông tư liên tịch số 07 không có quy đổi giữa tiết dạy với thời giờ làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động nên địa phương không có căn cứ để xác định số giờ dạy thêm được tính trả tiền lương dạy thêm giờ có quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật hay không. Dẫn đến mỗi địa phương thực hiện một kiểu.

*b4) Không có nguồn ngân sách để chi trả tiền lương làm thêm giờ*

Theo quy định thì tiền lương 01 giờ dạy thêm = tiền lương 01 giờ dạy x 150% do đó, đối với những cơ sở giáo dục tự chủ hoàn toàn hoặc tự chủ một phần tài chính (cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục thường xuyên) việc chi trả tiền làm thêm giờ cho giáo viên có hệ số lương cao khó khăn. Vì vậy, các cơ sở giáo dục thường kí hợp đồng với giáo viên ngoài đơn vị, hoặc trường hợp trong cơ sở có nhà giáo dạy thừa giờ thì mức chi trả tiền lương dạy thêm giờ cho nhà giáo thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục và nhà giáo.

Đồng thời, chi phí trả lương giao về các cơ sở giáo dục ở hầu hết theo biên chế được giao hoặc theo biên chế có mặt, nên cơ sở giáo dục không có nguồn để chi trả tiền lương làm thêm giờ.

### **3. Nhiệm vụ, giải pháp**

Trong thời gian tới Bộ GDĐT sẽ phối hợp với một số Bộ, ngành liên quan triển khai một số nội dung sau:

(1) Kiểm tra, khảo sát trực tiếp việc thực hiện chi trả tiền lương làm thêm giờ đối với nhà giáo ở một số địa phương; nhận diện rõ các khó khăn, vướng mắc về chính sách cần tháo gỡ trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC.

(2) Căn cứ kết quả kiểm tra, khảo sát trực tiếp, nghiên cứu, đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế liên quan đến quy định chi trả tiền lương làm thêm giờ đối với nhà giáo tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC.

Riêng vướng mắc về tổng số tuần giảng dạy để tính thừa giờ đối với giáo viên phổ thông nêu tại mục b2, hiện tại Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ

trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT. Trong đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời gian thực dạy của giáo viên là 35 tuần thay vì quy định là 37 tuần dành cho việc giảng dạy và các hoạt động giáo dục như quy định cũ và bổ sung 02 tuần dự phòng để giáo viên hoàn thành các nội dung giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông. Quy định này bảo đảm đồng bộ với khung thời gian năm học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (thời gian năm học phải bảo đảm đủ 35 tuần thực học) và bảo đảm thời lượng Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời, thống nhất cách tính tổng số tiết dạy cho giáo viên trong 01 năm học để làm căn cứ chi trả tiền lương dạy thêm giờ trên toàn quốc, bảo đảm quyền lợi cho đội ngũ giáo viên khi phải dạy vượt định mức quy định. Thông tư này dự kiến ban hành trong tháng 03/2025.

#### **4. Kiến nghị, đề xuất**

##### **4.1. Đối với Chính phủ**

(1) Giao Bộ GDĐT chủ trì nghiên cứu, xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC.

(2) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh tổ chức tuyển dụng đủ số giáo viên còn thiếu theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, đặc biệt là số biên chế giáo viên được giao bổ sung trong giai đoạn 2022-2026; bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc ký hợp đồng lao động nhằm bổ sung số nhà giáo còn thiếu so với định mức quy định của Bộ GDĐT theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

##### **4.2. Đối với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính**

(1) Phối hợp với Bộ GDĐT tham gia kiểm tra, khảo sát trực tiếp việc thực hiện chi trả tiền lương làm thêm giờ đối với nhà giáo theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC.

(2) Tham gia góp ý đối với các nội dung quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC theo chức năng, nhiệm vụ.

##### **4.3. Đối với địa phương**

Để giải quyết tạm thời việc giáo viên dạy vượt định mức tiết dạy theo quy định, đồng thời giải quyết khó khăn trong việc chi trả chế độ thừa giờ do không thuộc trường hợp được thanh toán thừa giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC, yêu cầu các địa phương, các cơ sở giáo dục thực hiện một số giải pháp sau:

(1) Tuyển dụng đủ số lượng giáo viên còn thiếu so với biên chế được giao.

(2) Thực hiện việc ký hợp đồng lao động để bổ sung số nhà giáo còn thiếu so với định mức quy định của Bộ GDĐT theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

(3) Thực hiện biệt phái nhà giáo và phân công nhà giáo dạy liên trường. Ưu tiên việc biệt phái nhà giáo từ các cơ sở giáo dục đang thừa nhà giáo sang các cơ sở giáo dục thiếu nhà giáo và phân công dạy liên trường đối với nhà giáo chưa dạy đủ định mức. Trường hợp phân công dạy liên trường, địa phương phải có cơ chế, chính sách chi trả chế độ cho nhà giáo.

(4) Phân công nhiệm vụ của nhà giáo bảo đảm công bằng, trong đó ưu tiên phân công các nhiệm vụ kiêm nhiệm đối với những nhà giáo dạy thiếu giờ, thiếu tiết so với định mức, không để xảy ra tình trạng nhà giáo vừa dạy thừa giờ vừa phải thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm.

Trên đây là báo cáo rà soát kết quả thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Bộ GDĐT trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Ngọc Thường;
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Kim Sơn**

# BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## PHỤ LỤC 1

Kết quả thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập năm học 2023 – 2024

(Kèm theo Báo cáo số: *132* /BC-BGDĐT ngày *26* tháng *02* năm *2025*)

STT	Cấp học/ trình độ đào tạo/ loại hình trường	Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số giáo viên dạy thừa giờ	Tổng số giáo viên được chi trả tiền lương dạy thêm giờ	Tỷ lệ % giáo viên được chi trả tiền lương dạy thêm giờ	Tổng số giờ dạy thêm được chi trả	Tổng số tiền được chi trả (tỷ đồng)			Tổng số cơ sở giáo dục vừa có giáo viên dạy thiếu định mức vừa có giáo viên dạy thừa định mức theo năm học
								Tổng	Từ nguồn ngân sách	Từ nguồn thu sự nghiệp	
<b>Tổng</b>		<b>34.404</b>	<b>583.987</b>	<b>501.571</b>	<b>238.170</b>	<b>47,5%</b>	<b>21.102.586</b>	<b>3.977,5</b>	<b>2.834,8</b>	<b>1.141,1</b>	<b>6060</b>
1	Mầm non	10.535	132.264	258.410	33.921	13,1%	3.385.773	313,4	270,9	40,9	482
2	Tiểu học	11.476	226.812	125.642	88.988	70,8%	8.050.244	1.768	1.034,9	733,1	2399
3	THCS	8.613	136.602	68.637	67.356	98,1%	5.901.640	1.200	942	258	2375
4	THPT	2.075	57.375	33.437	32.909	98,4%	2.501.000	440,3	358,1	82,2	537
5	Trường PT có nhiều cấp học	1.705	30.934	15.445	14.996	97,1%	1.263.929	255,8	228,9	26,9	267

Số liệu tổng hợp theo báo cáo của 60/63 tỉnh/thành phố, cập nhật đến ngày 14/02/2025

# BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## PHỤ LỤC 2

**Kết quả thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp, trường chính trị trực thuộc tỉnh năm học 2023 – 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: *192* /BC-BGDĐT ngày *26* tháng *02* năm *2025*)

STT	Cơ sở giáo dục	Tổng số trường	Tổng số giáo viên được chi trả tiền lương dạy thêm giờ	Tổng số giờ dạy thêm được chi trả	Tổng số tiền được chi trả (tỷ đồng)		
					Tổng	Từ nguồn ngân sách	Từ nguồn thu sự nghiệp
<b>Tổng</b>		200	10125	2154627	861.46	673.55	187.91
1	Trường chính trị tỉnh	33	749	2154627	52.31	10.79	41.52
2	Trường trung cấp nghề	58	1597	134403	33.43	3.62	29.81
3	Trường cao đẳng trực thuộc	90	4663	475431	694.87	635.34	59.53
4	Trường đại học trực thuộc	19	3116	883237	80.85	23.80	57.05

Số liệu tổng hợp theo báo cáo của 59/63 tỉnh/thành phố, cập nhật đến ngày 14/02/2025

# BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## PHỤ LỤC 3 - BÁO CÁO RÀ SOÁT

Thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập  
(Kèm theo Báo cáo số *132* /BC-BGDĐT ngày *26* tháng *02* năm 2025)

ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN	GHI CHÚ
Khoản 1 Điều 1	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b> 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư liên tịch này hướng dẫn chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập, bao gồm: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Nhà nước cấp kinh phí hoạt động (bao gồm nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật).	Không vướng mắc	
Khoản 2 Điều 1	2. Đối tượng áp dụng a) Nhà giáo (kể cả nhà giáo làm công tác quản lý, kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể hoặc được phân công làm nhiệm vụ tổng phụ trách Đội) thuộc danh sách trả lương được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; b) Nhà giáo thuộc danh sách trả lương được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đang làm công tác hướng dẫn thực hành tại các xưởng trường, trạm, trại, phòng thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục công lập; đang trực tiếp làm nhiệm vụ hướng dẫn thực hành trên tàu huấn luyện.	Không vướng mắc	
Khoản 1 Điều 2	<b>Điều 2. Điều kiện áp dụng</b> 1. Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch này, được hưởng tiền lương dạy thêm giờ khi đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng	Một số văn bản quy định về chế độ làm việc đối với	

ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	<p>12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, các nhiệm vụ công tác khác theo chế độ làm việc của nhà giáo quy định tại các văn bản sau:</p> <p>a) Quyết định số 61/2005/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông (gọi tắt là Quyết định số 61/2005/QĐ-TTg);</p> <p>b) Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non (gọi tắt là Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT);</p> <p>c) Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông (gọi tắt là Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT);</p> <p>d) Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ công tác giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp (gọi tắt là Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT);</p> <p>đ) Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 06 năm 2008 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề (gọi tắt là Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH);</p> <p>e) Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (gọi tắt là Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT);</p> <p>f) Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT);</p> <p>g) Thông tư liên tịch số 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2011 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chính sách đối với giảng viên tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ</p>	<p>nhà giáo đã thay đổi và sẽ được cập nhật kỹ thuật khi sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư liên tịch 07</p>	

ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	<p>quan thuộc Chính phủ, Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT);</p> <p>h) Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ngành nghệ thuật, sư phạm âm nhạc, sư phạm mỹ thuật (gọi tắt là Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT).</p>		
Khoản 2 Điều 2	2. Khi các văn bản nêu tại Khoản 1 Điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì điều kiện áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều này và cách tính tiền lương dạy thêm giờ tại Điều 4 Thông tư liên tịch này được thực hiện theo các quy định đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Không vướng mắc	
Khoản 1 Điều 3	<p><b>Điều 3. Nguyên tắc tính trả tiền lương dạy thêm giờ</b></p> <p>1. Tiền lương của một tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ của nhà giáo, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).</p>	Không vướng mắc	
Khoản 2 Điều 3	2. Định mức giờ dạy/năm đối với giáo viên mầm non; định mức tiết dạy/ năm học đối với giáo viên phổ thông; định mức giờ giảng dạy/năm học đối với giáo viên trung cấp chuyên nghiệp; tiêu chuẩn giờ giảng/năm học đối với giáo viên, giảng viên dạy nghề; định mức giờ chuẩn giảng dạy/năm đối với giảng viên cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được gọi chung là định mức giờ dạy/năm.	Không vướng mắc	
Khoản 3 Điều 3	3. Năm học quy định tại Thông tư liên tịch này được tính từ tháng 7 năm trước đến hết tháng 6 của năm liền kề.	Không vướng mắc	
Khoản 4 Điều 3	4. Đối với nhà giáo công tác ở các cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học, trình độ nghề được áp dụng định mức giờ dạy/năm quy định cho cấp học, trình độ nghề cao nhất mà nhà giáo đó trực tiếp tham gia giảng dạy theo sự phân công của người đứng đầu cơ sở giáo dục.	Có vướng mắc	Đã nêu trong Báo cáo rà soát kết quả thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC
Khoản 5 Điều 3	5. Việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí tiền lương dạy thêm giờ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Cơ sở giáo dục công lập quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư liên tịch này, căn cứ điều kiện cụ thể của từng đơn vị để thực hiện thanh toán hoặc tạm ứng tiền lương dạy thêm giờ theo tháng hoặc theo học kỳ cho phù hợp.	Không vướng mắc	

ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN	GHI CHÚ
Khoản 6 Điều 3	6. Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ ở đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị hoặc bộ môn không thiếu nhà giáo thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có nhà giáo nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đi học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra và tham gia những công việc khác (sau đây gọi chung là đi làm nhiệm vụ khác) do cấp có thẩm quyền phân công, điều động phải bố trí nhà giáo khác dạy thay.	Có vướng mắc	Đã nêu trong Báo cáo rà soát kết quả thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC
Khoản 7 Điều 3	7. Thời gian không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng được tính hoàn thành đủ số giờ giảng dạy và được tính vào giờ dạy quy đổi, bao gồm: thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; thời gian đi làm nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền phân công, điều động.	Không vướng mắc	
Khoản 8 Điều 3	8. Số giờ dạy thêm được tính trả tiền lương dạy thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch này không quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật.	Có vướng mắc	Đã nêu trong Báo cáo rà soát kết quả thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC
Khoản 1 Điều 4	<p><b>Điều 4. Cách tính tiền lương dạy thêm giờ</b></p> <p>1. Công thức tính tiền lương dạy thêm giờ:</p> <p>a) Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy thêm;</p> <p>b) Tiền lương 01 giờ dạy thêm = Tiền lương 01 giờ dạy x 150%;</p> <p>c) Tiền lương 01 giờ dạy:</p> <p>- Đối với giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp và giáo viên, giảng viên cơ sở dạy nghề:</p> $\text{Tiền lương 01 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy (dạy trẻ)}}{52 \text{ tuần}}$ <p>Đối với nhà giáo làm công tác quản lý hoặc được phân công làm nhiệm vụ tổng phụ trách Đội, cán bộ Đoàn, Hội ở cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp và cơ sở dạy nghề được tính theo công thức nêu trên, trong đó định mức giờ dạy/năm là định mức giờ dạy/năm của giáo viên cùng bậc học, cấp học, bộ môn của cơ sở giáo dục đó;</p>	Có vướng mắc về số tuần dành cho giảng dạy, giáo dục đối với giáo viên phổ thông	Đã nêu trong Báo cáo rà soát kết quả thực hiện Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC

ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	<p>- Đối với giảng viên cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:</p> $\text{Tiền lương 01 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm}} \times \frac{22,5 \text{ tuần}}{52 \text{ tuần}}$ <p>Đối với nhà giáo làm công tác quản lý, cán bộ Đoàn, Hội tham gia giảng dạy ở cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tính theo công thức nêu trên, trong đó định mức giờ dạy/năm là định mức giờ dạy/năm của giảng viên cùng chức danh, bộ môn của cơ sở giáo dục đó;</p> <p>d) Số giờ dạy thêm/năm học = [Số giờ dạy thực tế/năm học + Số giờ dạy quy đổi/năm học (nếu có) + Số giờ dạy tính thêm/năm học (nếu có) + Số giờ dạy được giảm theo chế độ/năm học (nếu có)] - (Định mức giờ dạy/năm).</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số giờ dạy quy đổi/năm học được thực hiện theo Khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT; Điều 11 Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT; Khoản 4 Mục II và Khoản 4 Mục III Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTĐBXH; Điều 12 Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT; Khoản 2 Điều 11 và Điều d Khoản 3 Điều 13 Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT; Khoản 3 Khoản 4 Điều 10 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Thông tư liên tịch số 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT;</li> <li>- Số giờ dạy tính thêm/năm học được áp dụng đối với giáo viên dạy lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập được quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT;</li> <li>- Số giờ dạy được giảm theo chế độ/năm học được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT; Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT; Khoản 6 Mục II và Khoản 4 Mục III Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTĐBXH; Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư liên tịch số 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT;</li> </ul> <p>đ) Định mức giờ dạy/năm được tính theo quy định tại các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư liên tịch này. Cụ thể như sau:</p>		

ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định mức giờ dạy/năm của giáo viên mầm non = (Số giờ dạy trẻ học 2 buổi/ngày) x (Số ngày làm việc/tuần) x (Số tuần dạy trẻ/năm học);</li> <li>- Định mức giờ dạy/năm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non = (Số giờ trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục/tuần của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) x (Số tuần dạy trẻ/năm học);</li> <li>- Định mức giờ dạy/năm của giáo viên phổ thông; giáo viên giảng dạy trình độ sơ cấp nghề = [Định mức tiết dạy (tiêu chuẩn giờ giảng)/tuần] x (Số tuần dành cho giảng dạy và các hoạt động giáo dục/năm học);</li> <li>- Định mức giờ dạy/năm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh (gọi tắt là Tổng phụ trách); giáo viên là cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (gọi tắt là cán bộ Đoàn, Hội) ở cơ sở giáo dục phổ thông = (Định mức tiết dạy/tuần của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; giáo viên làm Tổng phụ trách; cán bộ Đoàn, Hội) x (Số tuần dành cho giảng dạy và các hoạt động giáo dục/năm học);</li> <li>- Định mức giờ dạy/năm của cán bộ quản lý cơ sở dạy nghề là tiêu chuẩn giờ giảng tối thiểu quy định tại Điểm b Khoản 3 Mục II và Điểm b Khoản 3 Mục III của Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH.</li> <li>Định mức giờ dạy/năm của cán bộ quản lý trường trung cấp chuyên nghiệp là số giờ giảng dạy quy định tại Khoản 2 Điều 8 của Quyết định số 18/2007/QĐ-BGDĐT;</li> <li>- Định mức giờ dạy/năm của các đối tượng khác do thủ trưởng đơn vị quyết định cho từng năm học theo các văn bản quy định tại các Điểm a, d, đ, e, f, g, h Khoản 1 Điều 2 của Thông tư liên tịch này.</li> </ul>		
Khoản 2 Điều 4	2. Tiền lương làm thêm giờ đối với đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 của Thông tư liên tịch này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.	Không vướng mắc	
Khoản 3 Điều 4	3. Thủ trưởng các cơ sở giáo dục thường xuyên và Trung tâm kỹ thuật, tổng hợp - hướng nghiệp áp dụng các quy định của Thông tư liên tịch này để thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.	Không còn cơ sở tổng hợp - hướng nghiệp	

ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN	GHI CHÚ
Khoản 1 Điều 5	<p><b>Điều 5. Nguồn kinh phí</b></p> <p>1. Đối với các cơ sở giáo dục công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ do ngân sách nhà nước bảo đảm và giao trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.</p>	Không vướng mắc	
Khoản 2 Điều 5	<p>2. Đối với các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ được đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và từ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.</p>	Không vướng mắc	
Khoản 3 Điều 5	<p>3. Đối với các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên: Kinh phí thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ được đảm bảo từ các nguồn thu tự đảm bảo kinh phí hoạt động của đơn vị.</p>	Không vướng mắc	
Khoản 1 Điều 6	<p><b>Điều 6. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2013 và thay thế Thông tư liên tịch số 50/2008/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.</p>		Cấp nhật khi thay thế Thông tư liên tịch số 07/2013/TT-BGDĐT-BNV-BTC
Khoản 2 Điều 6	<p>2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để phối hợp với Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính nghiên cứu, giải quyết./.</p>	Không vướng mắc	